Số: 3599/SNNMT-PTNTQLCL; 15/05/2026; 17:26:10

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững vàphát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số ……./TTr-SNNMT ngày …. tháng …. năm 2026, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030, với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035 quy định*: "Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả";*

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh: *"Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: ... nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương";*

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026- 2030, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: *"Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định".*

b) Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các nghị quyết[1] quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 không thể áp dụng cho giai đoạn 2026 - 2030.

Theo Nghị quyết 257/2025/QH15, Quốc hội đã quyết định tích hợp 03 Chương trình MTQG thành một Chương trình thống nhất và bố trí tổng ngân sách nhà nước khoảng 423.000 tỷ đồng, gồm: ngân sách trung ương khoảng 100.000 tỷ đồng *(70.000 tỷ đồng vốn đầu tư công, 30.000 tỷ đồng kinh phí thường xuyên)*, ngân sách địa phương khoảng 300.000 tỷ đồng và vốn tín dụng chính sách khoảng 23.000 tỷ đồng. Ngày 04/5/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 4341/BNNMT-VPĐP về cho ý kiến về phương án phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030; theo đó, Trung ương đã dự kiến phương án phân bổ ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình.

Căn cứ quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định HĐND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn *"Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương".*

Để kịp thời có căn cứ phân bổ nguồn lực thực hiện và triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 việc tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây

---

[1] Nghị quyết số 74/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025;- Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025;

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 là đảm bảo về thẩm quyền, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, trọng tâm, trọng điểm và đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

- Giúp các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động, đề xuất và bố trí kinh phí đối ứng theo quy định nhằm thực hiện đạt mục tiêu Chương trình.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật; kịp thời, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến Sở Tư pháp về văn bản đăng ký xây dựng Nghị quyết theo quy trình, thủ tục rút gọn; tổng hợp, hoàn thiện trình UBND tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký bổ sung nội dung tại Kỳ họp giữa năm 2026 tại Tờ trình số 280/TTr-UBND ngày 15/5/2026 và đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận[2].

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết tổ chức lấy ý kiến của các sở ngành liên quan và UBND các xã, phường theo quy định.

3. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị quyết tại Văn bản số …../BC-STP ngày …./5/2026.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh tại Văn bản số …./TT-SNNMT ngày …../…../2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai

[2] .....

đoạn 2026 - 2030.

b) Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các xã, phường (sau đây gọi tắt là địa phương) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

2. Bố cục của Dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết có 08 Điều, gồm:

Chương I. Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

Chương II. Quy định cụ thể

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho xã, phường

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh

Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

Mục 2. Quy định vốn đối ứng ngân sách của địa phương

Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương

Chương III. Điều khoản thi hành

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Điều 9. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Quy định tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho xã, phường

3.1.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách trung ương

a) Xã biên giới: Hệ số 50

b) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;

c) Xã còn lại: Hệ số 25;

3.1.2. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách tỉnh

a) Thôn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 0,5;

b) Xã biên giới: Hệ số 50;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;

d) Xã còn lại: Hệ số 25;

e) Phường: Hệ số 15. Phân bổ kinh phí thường xuyên cho phường để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của công tác giảm nghèo theo quy định. Trường hợp phân bổ vốn cho phường nhưng không có nội dung chi, không có đối tượng thực hiện (do đã sử dụng nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác,…) thì phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

3.2. Quy định tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh

3.2.1. Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh bố trí cho sở, ban, ngành,

cơ quan cấp tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc các năm trước liền kề.

3.2.2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ cụ thể kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3.3 Quy định định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh

3.3.1. Định mức phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho sở, ngành cấp tỉnh và địa phương

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao; kế hoạch vốn ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình được HĐND tỉnh thông qua và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình quy định tại Nghị quyết này và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho các sở, ngành cấp tỉnh chi tiết theo nội dung thành phần; phân bổ cho các địa phương theo tổng mức vốn và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã; bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

3.3.2. Định mức phân bổ vốn cho các sở, ngành cấp tỉnh

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao, ngân sách tỉnh bố trí đối ứng; các sở, ngành cấp tỉnh được phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ của Chương trình có quy mô cấp tỉnh, liên xã, nhiệm vụ đặc thù; các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

3.3.3. Định mức phân bổ vốn cho các xã, phường

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao, ngân sách tỉnh bố trí đối ứng; sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ngành cấp tỉnh và phân bổ để thực hiện các nội dung khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhằm hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ của Chương trình hoặc các nhiệm vụ do các cấp có thẩm quyền giao; số vốn còn lại phân bổ cho các xã, phường theo quy định tại Điều 4 để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình trên địa bàn.

3.4. Quy định nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương

3.4.1. Mức bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương: Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Hà Tĩnh, căn cứ tổng điểm của tỉnh được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.

3.4.2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung, bao gồm:

a) Phân bổ cho các xã, phường theo tiêu chí, hệ số quy định tại Khoản 2, Điều 4: thôn vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN, xã còn lại, phường.

b) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo để thực hiện các nội dung: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo; hỗ trợ phát triển thị trường lao động; đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ; hỗ trợ việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững; nâng cao năng lực truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về giảm nghèo bền vững; rà soát, đánh giá, hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và các chính sách giảm nghèo liên quan khác (nếu có).

c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh, cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

d) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nông thôn mới hiện đại, thôn đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được hỗ trợ cho xã để đạt chuẩn nông thôn mới): Thưởng theo cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

(Chi tiết có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm cho các sở, ban, ngành, các địa phương để thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm, hằng năm; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước hằng năm, giai đoạn 5 năm cho các sở, ban, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: Xây dựng kế hoạch bảo đảm sát nhu cầu thực tế, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

Do vậy, nguồn lực về tổ chức, bộ máy đảm bảo triển khai Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh và huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Thời gian trình thông qua: Dự kiến tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng ngân sách ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiêu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2026 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở, địa phương; các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNMT, TC, NV, TP;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL5.

GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Huấn